

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/KDTM-ST

Ngày 29-11-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chương;
2. Bà Nguyễn Thị Lương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên;

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2019/TLST-KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng AB; địa chỉ trụ sở chính: phường Đ, Quận X Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1962 và ông Trần Mạnh H, sinh năm 1960; cùng cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng; bà Phạm Thị T có mặt, ông Trần Mạnh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện: Giữa Ngân hàng AB (sau đây gọi tắt là ngân hàng) với bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H đã thỏa thuận, ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 19/13/HM/XI.1 ngày 06/07/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 1522/15/PLTD-TT/XI.1 ngày 21/4/2015 với các nội dung: Ngân hàng cho bà T ông H vay số tiền 1.000.000.000

đồng, mục đích để bà T ông H bổ sung vốn lưu động kinh doanh mặt hàng lương thực, thực phẩm, thức ăn gia súc; thời hạn vay là 06 tháng được ghi trên giấy nhận nợ; lãi suất cho vay là 12,5% và được thay đổi theo chính sách của ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lịch và phương thức trả nợ: Trả gốc một hoặc nhiều lần trong thời gian vay, trả lãi vào ngày 26 hàng tháng. Ngoài ra, hợp đồng tín dụng được hai bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng về quyền, nghĩa vụ của hai bên.

Bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng là bên nhận thế chấp với ông H bà T là bên thế chấp đã ký 02 hợp đồng thế chấp tài sản, cụ thể:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17/12/TC/XI.1 ngày 13/10/2012: Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng 100m² đất ở tại thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng và tài sản gắn liền với đất, vị trí đất được ghi số thửa 1562 tại tờ bản đồ số 01. Quyền sử dụng đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 289127, vào sổ cấp GCN số CH 00067 ngày 22/10/2010 cho bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H. Hợp đồng được công chứng ngày 15/10/2012 và được đăng ký ngày 15/10/2012.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 17/13/TC/XI.1 ngày 05/7/2013: Tài sản thế chấp là Giá trị quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng, trên thửa đất số 1562, tờ bản đồ số 01. Diện tích đất là 100m². Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, sử dụng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 289127, vào sổ cấp GCN số CH 00067 ngày 22/10/2010 cho bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H.

Các Hợp đồng thế chấp bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của bên vay là bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H đối với ngân hàng phát sinh từ theo các Hợp đồng tín dụng giữa hai bên có dẫn chiếu đến các hợp đồng thế chấp này được ký kết trong thời gian từ ngày 13/10/2012 đến ngày 13/10/2015.

Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân bằng hình thức chuyển khoản cho bà T ông H tổng số tiền 1.000.000.000 đồng trong 03 lần, cụ thể: Ngày 16/4/2014 số tiền 375.000.000 đồng, ngày 18/4/2014 số tiền 375.000.000 đồng và ngày 22/4/2014 số tiền 250.000.000 đồng. Bà T ông H đã nhận đủ 1.000.000.000 đồng và ký giấy nhận nợ mỗi lần nhận tiền. Quá trình sử dụng vốn vay, bà T ông H đã trả được một phần nợ gốc và tiền lãi nhưng sau đó thì bà T ông H đã nhiều lần vi phạm việc trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc, tạo điều kiện thực hiện nghĩa vụ nhưng bà T ông H vẫn vi phạm. Do vậy, ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T ông H phải trả số tiền tạm tính đến ngày 29/11/2019 là 1.266.085.816 đồng (bao gồm nợ gốc 628.964.352 đồng, nợ lãi trong hạn 8.072.917 đồng, nợ lãi quá hạn 629.048.547 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/11/2019 đến thời điểm

thanh toán toàn bộ số tiền nợ. Trường hợp bà T ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ cho ngân hàng:

Quyền sử dụng 100m² đất, nhà ở và các tài sản gắn liền với đất tại thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng và tài sản gắn liền với đất, vị trí đất được ghi số thửa 1562 tại tờ bản đồ số 01. Quyền sử dụng đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 289127, vào sổ cấp GCN số CH 00067 ngày 22/10/2010 cho bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17/12/TC/XI.1 ngày 13/10/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 17/13/TC/XI.1 ngày 05/7/2013 được ký giữa ngân hàng với bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp mà không đủ trả hết nợ cho ngân hàng thì bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho ngân hàng.

Ông Trần Mạnh H là bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều vắng mặt và không thể hiện ý kiến, quan điểm về việc khởi kiện của ngân hàng.

Bà Phạm Thị T là bị đơn khai bà và ông H có ký hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, hợp đồng thế chấp và vay của ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng đúng như nội dung khởi kiện của ngân hàng. Bà và ông H đều tự nguyện trả nợ nên đã trả được một phần tiền gốc và lãi. Tuy nhiên, do làm ăn khó khăn nên không có khả năng trả nợ được đúng hạn. Bà cũng đã chủ động làm việc với ngân hàng để đề nghị cho giãn thời gian trả nợ. Nay, bà đề nghị ngân hàng tạo điều kiện miễn giảm cho bà tiền lãi. Bà và ông H sẽ có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, trong trường hợp không trả được thì bà sẽ hợp tác với ngân hàng để xử lý tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến quy định tại Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T ông H phải trả nợ cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 29/11/2019 là 1.266.085.816 đồng (bao gồm nợ gốc 628.964.352 đồng, nợ lãi trong hạn 8.072.917 đồng, nợ lãi quá hạn 629.048.547 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/11/2019 đến thời điểm thanh toán toàn bộ số tiền nợ; trường hợp bà T ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của bị đơn

Ông Trần Mạnh H là bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Mạnh H.

[2] Về nội dung khởi kiện của ngân hàng yêu cầu bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ

Xét Hợp đồng tín dụng hạn mức số 19/13/HM/XI.1 ngày 06/07/2013, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức số 1522/15/PLTD-TT/XI.1 ngày 21/4/2015 và các giấy nhận nợ giữa ngân hàng với bà T ông H đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên cho vay là ngân hàng với bên vay là bà T ông H. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là ngân hàng đã giải ngân, bà T ông H đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng. Như vậy, ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng và khế ước.

Việc bà T ông H thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ do các bên thỏa thuận. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc bà T ông H phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 29/11/2019 là 1.266.085.816 đồng (bao gồm nợ gốc 628.964.352 đồng, nợ lãi trong hạn 8.072.917 đồng, nợ lãi quá hạn 629.048.547 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/11/2019 đến thời điểm thanh toán toàn bộ số tiền nợ.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của ngân hàng trong trường hợp bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 17/12/TC/XI.1 ngày 13/10/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 17/13/TC/XI.1 ngày 05/7/2013 được ký giữa bên nhận thế chấp là ngân hàng với bên thế chấp là bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H. Hợp đồng được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên nhận thế chấp với bên thế chấp là chủ sở hữu tài sản hợp pháp. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện quyền nghĩa vụ của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng.

Do đó, trong trường hợp bà T ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng thì ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm dưới đây để thu hồi nợ:

Quyền sử dụng 100m² đất, nhà ở và các tài sản gắn liền với đất tại thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng và tài sản gắn liền với đất, vị trí đất được ghi số thửa 1562 tại tờ bản đồ số 01. Quyền sử dụng đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 289127, vào sổ cấp GCN số CH 00067 ngày 22/10/2010 cho bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H.

[4] Về áp dụng pháp luật, hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp được các bên ký kết và thực hiện tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng này đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự để áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng giải quyết vụ án.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 466, các điều 320, 321, 322 và 323 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng AB, buộc bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng AB số tiền tạm tính đến ngày tạm tính đến ngày 29/11/2019 là 1.266.085.816 đồng (bao gồm nợ gốc 628.964.352 đồng, nợ lãi trong hạn 8.072.917 đồng, nợ lãi quá hạn 629.048.547 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/11/2019 đến thời điểm thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

- Trường hợp bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng AB được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm sau theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số

17/12/TC/XI.1 ngày 13/10/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 17/13/TC/XI.1 ngày 05/7/2013 được ký giữa bên Ngân hàng AB với bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H để thu hồi nợ:

Quyền sử dụng 100m² đất, nhà ở và các tài sản gắn liền với đất tại thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng và tài sản gắn liền với đất, vị trí đất được ghi số thửa 1562 tại tờ bản đồ số 01. Quyền sử dụng đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 289127, vào sổ cấp GCN số CH 00067 ngày 22/10/2010 cho bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H.

Nếu xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết số tiền nợ của bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H đối với Ngân hàng AB thì bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H vẫn phải trả hết số tiền còn nợ.

Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản để đảm bảo nghĩa vụ của bên vay và bên thế chấp tài sản nếu xảy ra tranh chấp thì người có quyền sở hữu chung đối với tài sản này, Chấp hành viên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự được quy định tại khoản 12 Điều 26; khoản 9 Điều 27 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 74 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H có nghĩa vụ nộp 49.982.574 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng AB số tiền 25.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (biên lai thu tạm ứng án phí số 0003104 ngày 15/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên).

Ngân hàng AB có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Phạm Thị T và ông Trần Mạnh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Phương

